TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 15 – 4 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay và hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang

2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 621/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tô Minh Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Cái Nước B, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của anh Tô Minh Đ theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Văn C; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/8/2016 (âm lịch), ông Trương Văn C tham gia chơi 01 chân hụi do anh Tô Minh Đ làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi có 26 chân, mỗi tháng khui một lần. Trong quá trình giao dịch đến ký thứ 10, ông C hốt hụi và đã đóng hụi chết được 19.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa, hiện dây hụi đã mãn vào ngày 19/10/2018 nhưng ông C còn nợ lại số tiền hụi chết là 11.000.000 đồng đến nay chưa trả lại cho anh Đ.

Ngoài ra, ông C còn vay của anh Đ 06 lần, cụ thể: Ngày 29/10/2016 (âm lịch), vay số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 27/11/2016 (âm lịch), vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 04/12/2016 (âm lịch), vay số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 13/12/2016 (âm lịch), vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 28/12/2016 (âm lịch), vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 15/4/2017 (âm lịch), vay số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền ông C vay là 30.000.000 đồng nên ngày 15/4/2017 (âm lịch), hai bên mới đối chiếu số tiền nợ và ông C viết giấy nợ tiền vay và nợ tiền hụi cho anh Đ. Đồng thời, hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi tháng ông C phải đóng cho anh Đ là 1.800.000 đồng nhưng từ khi đối chiếu nợ đến nay, ông C không trả vốn và lãi cho anh Đ nên anh Đ khởi kiện. Tại tòa, người đại diện hợp pháp của anh Đ yêu cầu Tòa án buộc ông C trả một lần cho anh Đ số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng và tiền vay là 30.000.000 đồng cùng tiền lãi vay tính từ ngày 15/5/2017 (âm lịch) nhằm ngày 09/6/2017 (dương lịch) đến ngày 15/4/2024 (dương lịch) theo mức lãi suất 20%/năm là 41.100.000 đồng, tổng hai khoản anh Đ yêu cầu ông C trả với số tiền 82.100.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng). Đối với khoản lãi trong các lần vay từ ngày 29/10/2016 (âm lịch) đến ngày 15/4/2017 (âm lịch), anh Đ không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh Đ không yêu cầu khoản nào khác.

Đối với ông Trương Văn C (bị đơn), Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng ông C không đến Toà, không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đối với chị Lê Thị D có ý kiến cho rằng chị và nguyên đơn đã ly hôn, nên khoản nợ bị đơn nợ nguyên đơn là tài sản riêng của nguyên đơn, chị không liên quan và không yêu cầu gì đối với khoản nợ này. Vì vậy, chị D khước từ tham gia tất cả các phiên hòa giải cũng như xét xử vụ kiện nêu trên. Do đó, Tòa án không đưa chị D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi và tiền vay, bị đơn đã lĩnh hụi, đã nhận tiền vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi, nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi vay theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian tham gia giao dịch hụi, thời gian góp hụi và ngưng góp hụi, thời gian vay tiền, số tiền vốn vay cùng số tiền lãi đã trả cũng như số tiền hụi, số tiền vốn vay bị đơn còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của

pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự. Hơn nữa, căn cứ vào biên nhận ngày 15/4/2017 (âm lịch) nhằm ngày 09/6/2017 (dương lịch) do bị đơn viết và ký tên cùng với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà thể hiện việc bị đơn có vay, có tham gia chơi hụi và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, nợ tiền hụi là 11.000.000 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ vay, với nhận định tại đoạn [3], Hội đồng xét xử xét thấy do bị đơn tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh có hay không việc thỏa thuận mức lãi suất phải trả, số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn nên việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Hơn nữa, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Về thời gian tính lãi được tính từ ngày 15/5/2017 (âm lịch) nhằm ngày 09/6/2017 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/4/2024 (dương lịch) là 82 tháng 06 ngày, theo mức lãi suất 20%/năm tương ứng với số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

(82 tháng 06 ngày x 30.000.000 đồng) x 20%/năm = 41.100.000 đồng (bốn mươi mốt triệu một trăm nghìn đồng).

Đối với khoản lãi trong các lần vay từ ngày 29/10/2016 (âm lịch) đến ngày 15/4/2017 (âm lịch), nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Với nhận định tại các đoạn [2], [3] và [4] nêu trên, cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi cùng khoản tiền nợ hụi là 82.100.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[6] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468, 469 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Tô Minh Đ.

Buộc ông Trương Văn C trả cho anh Tô Minh Đ các khoản với số tiền là 82.100.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Tô Minh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương Văn C không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Trương Văn C phải nộp số tiền là 4.105.000 đồng (bốn triệu một trăm lẽ năm nghìn đồng - chưa nộp).

Anh Tô Minh Đ không phải nộp. Ngày 27/12/2023, anh Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng (hai triệu không trăm lẽ chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003145 được trả lại toàn bộ cho anh Đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân